

MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM VÀ NHỮNG PHÁT HIỆN CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT MINH BẠCH TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Quảng Trị, ngày 09 tháng 9 năm 2021

PHẦN 1. QUY TRÌNH/CÁC BƯỚC THỰC HIỆN (10 BƯỚC)

Chuyên gia CDI, Ban Quản lý dự án BTAP HĐND tỉnh Quảng Trị

- Nghiên cứu, xây dựng ý tưởng;
- Hoàn chỉnh dự thảo sơ bộ đề án thí điểm EITI tại Quảng Trị.

Ban Quản lý dự án BTAP HĐND tỉnh Quảng Trị

- Báo cáo với Thường trực HĐ ND tỉnh xin chủ trương thành lập Hội đồng tư vấn giám sát thực hiện “Sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng”

Ban Quản lý dự án BTAP HĐND tỉnh Quảng Trị

- Gửi văn bản đề nghị các sở, ngành giới thiệu nhân sự tham gia hội đồng tư vấn giám sát

Thường trực HĐND tỉnh

- Ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giám sát thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI tại tỉnh Quảng Trị

Hội đồng tư vấn giám sát

- Tổ chức các hội thảo hoàn chỉnh đề án, biểu mẫu, quy trình thực hiện “Sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI”

PHẦN 1. QUY TRÌNH/CÁC BƯỚC THỰC HIỆN (10 BƯỚC)

Hội đồng tư vấn giám sát

- Gửi văn bản đề nghị các sở, ngành, địa phương có liên quan báo cáo, thu thập số liệu theo đề cương, biểu mẫu số liệu (7 biểu mẫu)

BQL dự án BTAP
HĐND tỉnh Quảng
Trị, chuyên gia CDI

- Thu thập, phân tích, đánh giá, viết báo cáo

BQL dự án BTAP
HĐND tỉnh Quảng
Trị, chuyên gia CDI

- Công bố kết quả thực hiện đề án

Ban kinh tế - ngân
sách và Hội đồng tư
vấn giám sát

- Báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về kết quả thực hiện Đề án thí điểm sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng tại Quảng Trị năm 2019

Thường trực HĐND
tỉnh

- Ban hành văn bản đề nghị UBND tỉnh thực hiện kiến nghị của Hội đồng tư vấn giám sát minh bạch trong KTKS trên địa bàn tỉnh (VB số 06/HĐND-KTKS ngày 2/1/2021)

PHẦN 2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Những phát hiện chính
- Kết luận.
- Khuyến nghị.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **1. Tăng cường phối hợp giữa các bên**
- Tăng cường sự phối hợp giữa các bên liên quan như Cục thuế tỉnh, Sở Tài chính, Hội đồng tư vấn, 14 doanh nghiệp, Sở Tài nguyên & Môi trường thông qua biểu mẫu được thiết kế giúp kiểm tra chéo số liệu/thông tin giữa các bên liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- 2. Kết quả đối chiếu theo giấy phép
- Tình trạng DN: Có 22/31 giấy phép đang hoạt động, các giấy phép còn lại đang tạm dừng khai thác hoặc chưa triển khai khai thác do chưa được cấp có thẩm quyền cho thuê đất hoặc chưa tạo được sự đồng thuận của người dân.



PHÁT HIỆN CHÍNH

2. Kết quả đối chiếu theo giấy phép

- Qua rà soát còn có sự khác biệt về số giấy phép khai khoáng còn hiệu lực giữa báo cáo của Sở TN&MT và Cục thuế tỉnh.
- Đặt ra yêu cầu cần đánh giá thêm về việc phối hợp về QLNN trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của các DN khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2019 CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Loại khoáng sản	Công suất cấp phép (tấn, m ³)	Công suất khai thác thực tế năm 2019 (tấn, m ³)	Tỷ lệ khai thác thực tế/công suất cấp phép (%)	Khối lượng sản phẩm đã tiêu thụ trong năm (m ³ , tấn)
Đá VLXD	674.920	471.324 m ³	76,64	961.878 m ³
Cát Sỏi	213.000	109.207 m ³	51,27	105.829 m ³
Vàng	10.000	Không hoạt động		
Titan	31.773	8.012 tấn		13.081 tấn
Cát trắng	601.000 tấn	196.199 tấn	28,15	187.002 tấn
Cát thạch anh	424.842 tấn	380.200 tấn	89,49	197.865 tấn

GIẢI THÍCH SỐ LIỆU

- Đối với hoạt động khai thác đá vật liệu xây dựng có khối lượng sản phẩm đã tiêu thụ trong năm lớn hơn so với công suất khai thác thực tế là do chênh lệch giữa tỷ lệ đá nguyên khai (*công suất cấp phép*) và đá thành phẩm bằng 1,8 lần ($471.324 \text{ m}^3 \times 1,8 = 848,383 \text{ m}^3$ cộng thêm khối lượng năm trước chuyển sang $113,495 \text{ m}^3$) bằng khối lượng sản phẩm đã tiêu thụ trong năm 961.878 m^3 .
- Đối với các loại khoáng sản khác cũng có sự chênh lệch (phân tích theo bảng biểu).



PHÁT HIỆN CHÍNH

3. Khác biệt về kết quả thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng của các cơ quan quản lý

So sánh số liệu báo cáo từ Sở TN&MT, Sở Tài chính, Cục Thuế và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh cho thấy **có sự khác nhau giữa số liệu thu ngân sách nhà nước từ lĩnh vực khoáng sản của 3 đơn vị.**

	Cục thuế	Sở Tài chính	Sở TNMT
Tổng thu NSNN từ KTKS (triệu đồng)	56.547.362	40.458	79.042.30



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **3. Khác biệt về kết quả thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng của các cơ quan quản lý**
- Số liệu thu ngân sách của 3 đơn vị chi tiết của theo sắc thuế và phí cũng khác nhau do mỗi cơ quan có chức năng khác nhau nên thu thập số liệu khác nhau.
- => Sở TC phân chia và theo dõi được số liệu chi tiết về thuế tài nguyên, phí BVMT trong khai thác khoáng sản và tiền cấp quyền khai thác KS
- => Cục thuế tỉnh theo dõi cơ bản đầy đủ các khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định; **không có nguồn thu từ thuế xuất khẩu khoáng sản.**
- => Sở TNMT: cung cấp số liệu phục vụ công tác đ/giá các h/động thu thuế, phí đối với h/động khai thác KS năm 2019 **cho thấy có thu NSNN từ thuế xuất khẩu.**



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **3. Khác biệt về kết quả thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng của các cơ quan quản lý**
- Mỗi DN đều phải đóng các khoản thuế bắt buộc theo Luật Thuế, tuy nhiên DN trong lĩnh vực khai khoáng và DN kinh doanh nhiều mặt hàng, trong đó có khai khoáng thì việc tách bạch số liệu thống kê chỉ là tương đối,

Ví dụ: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập DN, thuế VAT các DN đều nộp nhưng không tách toán đâu là khoản thu trong lĩnh vực khai khoáng.

-> Do vậy, đây cũng là một trong những nguyên nhân của sai khác về số liệu thu NSNN từ các doanh nghiệp khai thác khoáng sản khác nhau giữa các đơn vị.



PHÁT HIỆN CHÍNH

3. Khác biệt về kết quả thu NS từ hoạt động khai khoáng của các cơ quan quản lý

- Một số doanh nghiệp khai báo thuế không chính xác, nhất là các doanh nghiệp nộp thuế theo hình thức khoán doanh thu.
- Số liệu báo cáo từ Cục thuế tỉnh chưa chỉ ra được lý do của số liệu thực thu ngân sách từ khoáng sản năm 2019 cao hơn số phải thu.



PHÁT HIỆN CHÍNH

Số liệu Báo cáo của Cục thuế tỉnh:

- Chưa phản ánh số nợ đọng nợ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, nợ thuế thu nhập doanh nghiệp, nợ tiền phí BVMT trong khai thác khoáng sản của một số công ty khai thác khoáng sản (*tổng số tiền nợ đọng của doanh nghiệp chưa được phản ánh trong báo cáo của Cục thuế là 112,857 triệu đồng*).
- Cho thấy có mâu thuẫn về số liệu phải thu, thực thu và nợ đọng các loại thuế và phí của một số các doanh nghiệp khai thác khoáng sản.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **4. So sánh số liệu nộp ngân sách từ doanh nghiệp - thu ngân sách từ Cục thuế và Sở TN&MT**
- Kết quả tổng hợp số liệu của Cục thuế tỉnh, Sở TN&MT về số thu NS từ không thống nhất với số liệu nộp ngân sách các DN khai thác KS (Bảng 3).
- 14 trên tổng số 15 DN có số liệu nộp NSNN cao hơn so với số liệu của Cục thuế và số liệu của Sở TN&MT.
- Sự sai khác về số liệu có thể do cách tính toán và phân loại không thống nhất giữa DN, Cục thuế và Sở TN&MT theo chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan. Do vậy, cần phải rà soát, kiểm tra lại các biểu mẫu thu thập thông tin hoặc có hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị về biểu mẫu.

B3. SO SÁNH SỐ NỘP NS TỪ DOANH NGHIỆP - THU NGÂN SÁCH TỪ CỤC THUẾ VÀ SỞ TN&MT

TT	Tên doanh nghiệp	Cục thuế	Số TNMT	DN báo cáo
1	Công ty TNHH Minh Hưng	2.716.000	1.435.000	2.482.738
2	Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị		57.000	776.544
3	Công ty cổ phần Tân Hưng	2.824.000	3.679.000	
4	Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị	6.976.000	16.297.000	17.308.735
5	Công ty cổ phần Thiên Tân	15.786.000	11.879.000	20.897.000
6	Công ty CPĐT và KS Vico Quảng Trị	12.732.000	30.601.000	36.754.694
7	Công ty CP khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị	264.000		240.445


B3. SO SÁNH SỐ NỘP NS TỪ DOANH NGHIỆP - THU NGÂN SÁCH TỪ CỤC THUẾ VÀ SỞ TN&MT

TT	Tên doanh nghiệp	Cục thuế	Số TNMT	DN báo cáo
8	Công ty TNHH MTV Nguyên Hà	484.106	567.600	923.497
9	Công ty TNHH MTV Phúc Lan Quảng Trị	29.274	60.000	89.273
10	Công ty TNHH Nguyên Đức Hà	36.000	11.837.902	219.119
11	Công ty CP Thiên Phú	361.303	2.424.000	686.578
12	Công ty TNHH MTV số 1 Thành Thành Công		430.000	1.241.400
13	Công ty Cổ phần Sông Nhùng	31.594		141.792
14	Công ty cổ phần xây dựng giao thông Quảng Trị		462.100	1.908.030
15	DNTN Chế biến Nông lâm sản xuất khẩu đường 9	1.313.116	668.300	1.243.564

B4: ĐỐI CHIẾU GIỮA SỐ LIỆU THU – NỘP NGÂN SÁCH THUẾ TÀI NGUYÊN VÀ PHÍ BVMT CỦA DOANH NGHIỆP VÀ CỤC THUẾ

	Doanh nghiệp	MST	Thuế tài nguyên						Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản					
			Cục thuế			Doanh nghiệp			Cục thuế			Doanh nghiệp		
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số nợ đọng	Số phải nộp	Số đã nộp	Số nợ đọng	Số phải nộp	Số đã nộp	Số nợ đọng	Số phải nộp	Số đã nộp	Số nợ đọng
1	Công ty TNHH Minh Hưng	3200100303	1,158,000	1,158,000	-	1,046,931	1,046,931	-	645,000	645,000	-	581,001	581,001	-
2	Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị	3200042669	780,000	897,000	-	4,027,639	1,863,000	2,103,840	1,425,000	1,484,000	-	2,206,796	2,005,761	1,228,470
4	Công ty cổ phần Thiên Tân	3200193178	3,335,000	3,865,000	-	4,046,100	4,046,100	-	2,185,000	2,185,000	-	2,287,600	2,293,900	-
5	Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị	3200384937	5,825,000	5,825,000	-	4,873,185	5,824,808	133,662	1,105,000	1,105,000	-	1,176,022	1,105,353	273,255
6	Công ty CP Khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị	3200628943	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Cty TNHH MTV Nguyên Hà	3200453771	252,450	252,450	-	276,600	276,600	0	69,442	69,442	-	76,390	76,390	-
8	Công ty TNHH MTV Phúc Lan Quảng Trị	3200627530	39,438	21,963	17,476	21,963	21,963	0	18,780	7,311	11,469	7,311	7,311	-
9	Công ty TNHH Nguyên Đức Hà	3200611386	16,274	17,000	-	29,682	29,682	0	7,645	9,000	-	14,030	14,030	-
10	Công ty CP Thiên Phú	3200293486	162,068	132,197	32,233	162,068	162,068	-	61,740	48,740	13,600	62	62	-
11	Công ty CP Sông Nhùng	3200602222	46,690	19,913	30,867	46,690	46,690	-	17,957	5,571	14,383	17,263	17,263	-
12	DNTN Chế biến Nông lâm sản xuất khẩu đường 9	3200046790	463,206	642,312	-	505,637	527,169	21,532	236,200	276,822	-	240,821	280,234	39,413

PHÁT HIỆN CHÍNH

- So sánh số liệu thu - nộp ngân sách thuế tài nguyên và phí BVMT trong khai thác khoáng sản của 12 doanh nghiệp (Bảng 4) cũng cho thấy có sự sai khác giữa số liệu của Cục thuế và số liệu do DN cung cấp.
 - Các công ty có sự chênh lệch ở mục thuế tài nguyên của Cty CP khoáng sản Quảng Trị, Cty TNHH Nguyễn Đức Hà, Cty CP Thiên Phú, và Cty CP Sông Nhùn.
- 

PHÁT HIỆN CHÍNH

- Báo cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị, Công ty TNHH MTV Phúc Lan Quảng Trị, Công ty Cổ phần Thiên Tân và Công ty Cổ phần khoáng sản Quảng Trị còn nợ thuế tài nguyên hoặc phí BVMT.
- Trong khi số liệu của các doanh nghiệp này trong báo cáo của Cục thuế không còn nợ thuế tài nguyên và phí BVMT.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- *Như vậy, kết quả EITI cho thấy có sự sai khác lớn về thông tin số liệu về thu - nộp ngân sách giữa Cục thuế tỉnh, Sở TN&MT và các doanh nghiệp. Bước đầu tạm thời xác định các nguyên nhân sau:*



PHÁT HIỆN CHÍNH

- Thứ nhất, Hội đồng tư vấn đề nghị kỳ báo cáo chỉ yêu cầu báo cáo theo năm tài chính (đến 31/12/2019) => gây nhầm lẫn do:
- doanh nghiệp không báo cáo rõ số phát sinh phải nộp trong năm;
- số nộp trong năm.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **Thứ hai**, về số phát sinh phải nộp trong năm báo cáo: Về phía cơ quan Thuế xác định số phát sinh phải nộp trong năm của DN trên cơ sở số liệu tại Biên bản kiểm tra quyết toán thuế hàng năm, tuy nhiên tại thời điểm báo cáo (sau ngày 31/3) nhiều đơn vị chưa được cơ quan Thuế kiểm tra quyết toán, một số sắc thuế có số phải nộp mang tính dự toán (thuế TNDN); một số sắc thuế phát sinh trong năm 2019 nhưng theo luật quản lý thuế kỳ kê khai theo tháng hoặc quý thì hạn nộp qua năm sau (thuế GTGT; Thuế tài nguyên) nên số phải nộp mang tính tương đối.
- Riêng tiền cấp quyền khai thác có số phát sinh trong năm là chính xác, tuy vậy nhưng một số DN báo cáo số phát sinh trong năm lấy luôn tổng số phát sinh cả kỳ khai thác (nhiều năm) nên dẫn đến sai số.

PHÁT HIỆN CHÍNH

- **Thứ ba**, về số nộp NSNN: Cơ quan Thuế ghi nhận số nộp NSNN trong năm là được kho bạc xác nhận từ 01/01/ 2019 đến hết 24 giờ ngày 31/12/2019; cơ quan Thuế xác định số nộp NSNN của từng đơn vị khai khoáng trên hệ thống quản lý điện tử được Kho bạc NN xác nhận đến thời điểm báo cáo.
- Doanh nghiệp báo cáo số nộp NSNN đôi lúc còn mang tính chủ quan, chưa đối chiếu Kho bạc; chưa được cơ quan Thuế quyết toán hàng năm nên số liệu quan hệ ngân sách chưa chuẩn dẫn đến báo cáo cho một số ngành bị lệch theo.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **Thứ tư**, về số nợ NSNN các khoản thu: Năm 2019, ngành Thuế Quảng Trị có chỉ tiêu tổng nợ dưới 5% là mức cho phép, tuy nhiên đối với DN khai khoáng có số nợ như báo cáo đánh giá là do yếu tố khách quan. Cụ thể: Cty CP Khoáng sản 4 tính đến ngày 29/02/2020 Cty còn nợ: 4.571, 386 triệu đồng, trong đó: Tiền cấp quyền khai thác: 3.210,753 triệu đồng; Tiền chậm nộp: 1.360,633 triệu đồng.
- DN đóng tại tỉnh Nghệ An, đang ngừng khai thác, có nhiều hạn chế trong chế tài xử lý; Cty CP Hiếu Giang phát sinh tiền cấp quyền khai thác nhưng địa phương không giao được mặt bằng cho DN khai thác. Theo một số sắc thuế phát sinh trong năm 2019 nhưng hạn nộp thuế sang năm 2020 nên khoản còn phải thu này chưa phải là khoản thuế nợ.

PHÁT HIỆN CHÍNH

- Một số sắc thuế (thuế TNDN) có số phát sinh nhỏ hơn số đã nộp là có nhiều lý do:
- Số phát sinh mang tính dự toán có từ đầu năm, cuối năm đơn vị tự xác định thu nhập trong năm lớn hơn số dự toán nên cuối năm nộp đủ;
- một số DN chưa xác định được thì tạm nộp cho đạt hoặc vượt kế hoạch để được xét khen thưởng về nộp NSNN trong năm.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **Thứ năm**, chưa thực hiện việc đối chiếu số liệu báo cáo từ hồ sơ gốc của các ngành, địa phương, đơn vị và số liệu được các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước xác định.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **5. So sánh sản lượng khai thác thực tế từ doanh nghiệp - kết quả thu/nộp ngân sách từ Sở TN&MT và doanh nghiệp**
- Sản lượng khai thác thực tế từ doanh nghiệp - kết quả thu/nộp ngân sách từ báo cáo của Sở TN&MT và doanh nghiệp có sự trùng khớp nhau, số chênh lệch được xác định do thời điểm báo cáo.



PHÁT HIỆN CHÍNH

- **6. Phân bổ nguồn thu từ phí Bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản**
- Theo số liệu của Sở Tài chính, số thu ngân sách từ phí BVMT khai thác khoáng sản 8.593 triệu đồng (ngân sách tỉnh quản lý thu 6.126 triệu đồng, ngân sách huyện 2.467 triệu đồng). Số liệu của Cục thuế báo cáo là 6.541,437 triệu đồng (Tỉnh quản lý thu 5.933 triệu đồng, huyện quản lý thu 608,437 triệu đồng).
- Theo số liệu tổng hợp từ các huyện, số thu phí BVMT khai thác khoáng sản các huyện báo cáo là 2.397,082 triệu đồng, chênh lệch 69,918 triệu đồng so với số liệu báo cáo của Sở Tài chính.

IV. KẾT LUẬN

1. Thuận lợi

- Nội dung, quy trình, phương pháp thực hiện khá đơn giản, biểu mẫu dễ hiểu, dễ cung cấp thông tin.
- => Để tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình phân tích báo cáo cần có sự điều chỉnh các biểu mẫu, quy trình lấy số liệu phù hợp hơn.

IV. KẾT LUẬN

- **2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**
- Thời gian thu thập thông tin, xử lý, phân tích đánh giá số liệu, viết báo cáo bị gián đoạn bởi 2 lần diễn biến xã hội do dịch COVID – 19 và ảnh hưởng liên tiếp 5 trận lũ lịch sử đặc biệt lớn (*từ ngày 06 - 31/10/2020*) và 6 cơn bão (*từ số 8 -13*);
- Đội ngũ cán bộ làm công tác phân tích đánh giá chưa có nhiều kinh nghiệm lĩnh vực EITI, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, không có nhiều thời gian tham vấn chéo giữa các thành viên hội đồng tư vấn giám sát... làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và chất lượng báo cáo.



KHUYẾN NGHỊ

1. Ngân sách cho hoạt động giai đoạn tiếp theo

- Tiếp tục vận động các nhà tài trợ hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật để hoàn chỉnh đề án, quy trình và hệ thống biểu mẫu (Từ tháng 9/2020 - 3/2021). Sau đó, tiếp tục thu thập thông tin, phân tích thông tin, viết báo cáo từ năm 2021, 2022, 2023, 2024, tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đề án vào năm 2025.
- ***Nếu tiếp tục nhân rộng mô hình:*** Phối hợp, điều chỉnh bổ sung biểu thống kê số liệu cấp phép khai khoáng trên địa bàn



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !

